

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026



BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 246/QĐ-ĐHVHHN ngày 05/03/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa Hà Nội về việc Ban hành Thông tin tuyển sinh Đại học chính quy năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: VHH
- Địa chỉ: Số 418 Đường La Thành, P. Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.huc.edu.vn
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh: [⇒ ://huc.edu.vn/.../Tuyen-sinh-Dai-hoc](http://huc.edu.vn/.../Tuyen-sinh-Dai-hoc)
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02438511971 (máy lẻ 104,103,102)
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo: [⇒ ://huc.edu.vn/.../Ba-cong-khai](http://huc.edu.vn/.../Ba-cong-khai)

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, cụ thể như sau:

(1) Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam;

b) Người đã có bằng trung cấp nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

(2) Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:



- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường tuyển sinh theo các phương thức sau:

2.1. Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT - Mã phương thức 301

Đối tượng xét tuyển thẳng: Thí sinh đạt giải theo Quy định của Điều 8 Thông tư Ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào Trường theo ngành/chuyên ngành phù hợp với môn thi; môn đạt giải phải có trong tổ hợp xét tuyển của ngành/chuyên ngành thí sinh đăng ký xét tuyển. Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh và chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế (thuộc ngành Du lịch), môn đạt giải phải là môn Tiếng Anh.

2.2. Phương thức 2 (PT2): Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 - Mã phương thức 100

2.2.1. Đối tượng, điều kiện xét tuyển theo PT2

- Xét tuyển PT2 vào tất cả các ngành/chuyên ngành đào tạo (trừ các tổ hợp có môn năng khiếu).
- Xét điểm tổ hợp 3 môn thi TN THPT năm 2026.
- Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung, thí sinh đăng kí xét tuyển theo PT2 cần phải tham dự Kỳ thi TN THPT năm 2026 với các môn thi tương ứng với tổ hợp xét tuyển theo PT2 vào ngành/chuyên ngành đào tạo mà thí sinh có nguyện vọng theo học.
- Đối với ngành Du lịch (chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế) và ngành Ngôn ngữ Anh: môn Tiếng Anh phải đạt điều kiện từ 6.0 điểm trở lên trong kỳ thi TN THPT năm 2026.
- Đối với ngành Luật: Các tổ hợp D01, C03, C04, X01 điểm môn Toán và Ngữ văn đạt từ 12.0 điểm trở lên; các tổ hợp D14, D15, X78, C00, X70: điểm môn Ngữ văn đạt từ 6.0 điểm trở lên trong kỳ thi TN THPT năm 2026.

2.2.2. Điểm cộng (điểm thưởng, điểm khuyến khích)

Điểm cộng bao gồm:

- + Điểm thưởng dành cho các thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng (tối đa 3.0 điểm theo thang điểm 30);
- + Điểm xét thưởng dành cho các thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt (thí sinh đạt giải HSG tỉnh; HSG quốc gia; học sinh trường chuyên, môn chuyên phải có trong tổ hợp xét tuyển); thí sinh có nhiều thành tích thì mức điểm xét thưởng tối đa 1.5 điểm theo thang điểm 30.
- + Điểm khuyến khích dành cho các thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích tối đa 1.5 điểm theo thang điểm 30.

Ngoài điểm ưu tiên tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội cộng điểm đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi tỉnh, học sinh giỏi quốc gia và thí sinh có một trong các loại chứng chỉ Tiếng Anh, cụ thể như sau:



IELTS	Khung năng lực NN VN	TOEIC (4 kỹ năng)	TOEFL iBT	TOEFL ITP	HSG tỉnh	HSG quốc gia	HS trường chuyên	Điểm cộng
4.0-5.0	Bậc 3	Nghe: 275-395; Đọc: 275-380; Nói: 120-150; Viết: 120-140	45	450-499	Giải ba			0.5



5.5-6.0	Bậc 4	Nghe: 400-485; Đọc: 385-450; Nói: 160-170; Viết: 150-170	46-93	500-626	Giải nhì		Môn chuyên có trong tổ hợp xét tuyển	1.0
≥ 6.5	Bậc 5 trở lên	Nghe: ≥490; Đọc: ≥455; Nói: 180-200; Viết: 180-200	≥ 94	≥ 627	Giải nhất	Giải khuyến khích		1.5

Lưu ý: Nhà trường không xét tuyển đối với các chứng chỉ tiếng Anh có hình thức thi “home edition”.

Tổng điểm cộng (gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích) không vượt quá 3.0 điểm theo thang điểm 30.

Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét (thang 30), nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá 30 điểm.

2.2.3. Nguyên tắc xét tuyển theo PT2

- Điểm xét tuyển được xác định theo công thức:

Điểm xét tuyển = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

+ Tổng điểm đạt được = Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển + Điểm cộng (nếu có)

+ Điểm ưu tiên đối với thí sinh có tổng điểm đạt được từ 22,5 điểm trở lên được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Điểm ưu tiên KV,ĐT}$ theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn (NV1 là NV cao nhất).

2.3. Phương thức 3 (PT3): Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) – Mã phương thức 200

2.3.1. Đối tượng, điều kiện xét tuyển theo PT3

- Xét tuyển PT3 vào tất cả các ngành/chuyên ngành đào tạo, **trừ ngành Báo chí; ngành Sáng tác văn học; chuyên ngành Tổ chức hoạt động nghệ thuật, Tổ chức sự kiện văn hóa (thuộc ngành Quản lý văn hóa).**

- Xét điểm trung bình chung (TBC) kết quả học tập THPT cả năm các lớp 10,11,12 các môn trong tổ hợp theo từng ngành/chuyên ngành.

- Đối với ngành Du lịch (chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế) và ngành Ngôn ngữ Anh: Điểm TBC cả năm các lớp 10,11,12 môn tiếng Anh phải đạt điều kiện từ 7.0 điểm trở lên.

- Đối với ngành Luật:

+ Các tổ hợp D01, C03, C04, X01 điểm TBC cả năm các lớp 10,11,12 môn Toán và Ngữ văn đạt từ 12.0 điểm trở lên; các tổ hợp D14, D15, X78, C00, X70 điểm TBC cả năm các lớp 10,11,12 môn Ngữ văn đạt từ 6.0 điểm trở lên.

+ Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

2.3.2. Điểm cộng (điểm thưởng, điểm khuyến khích)

Điểm cộng bao gồm:

+ Điểm thưởng dành cho các thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng (tối đa 3.0 điểm theo thang điểm 30);

+ Điểm xét thưởng dành cho các thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt (thí sinh đạt giải HSG tỉnh; HSG quốc gia; học sinh trường chuyên, môn chuyên phải có trong tổ hợp xét tuyển); thí sinh có nhiều thành tích thì mức điểm xét thưởng tối đa 1.5 điểm theo thang điểm 30.

+ Điểm khuyến khích dành cho các thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích tối đa 1.5 điểm theo thang điểm 30.

Ngoài điểm ưu tiên tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội cộng điểm đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi tỉnh, học sinh giỏi quốc gia và thí sinh có một trong các loại chứng chỉ Tiếng Anh, cụ thể như sau:



IELTS	Khung năng lực NN VN	TOEIC (4 kỹ năng)	TOEFL iBT	TOEFL ITP	HSG tỉnh	HSG quốc gia	HS trường chuyên	Điểm cộng
4.0-5.0	Bậc 3	Nghe: 275-395; Đọc: 275-380; Nói: 120-150; Viết: 120-140	45	450-499	Giải ba			0.5
5.5-6.0	Bậc 4	Nghe: 400-485; Đọc: 385-450; Nói: 160-170; Viết: 150-170	46-93	500-626	Giải nhì		Môn chuyên có trong tổ hợp xét tuyển	1.0
≥ 6.5	Bậc 5 trở lên	Nghe: ≥490; Đọc: ≥455; Nói: 180-200; Viết: 180-200	≥ 94	≥ 627	Giải nhất	Giải khuyến khích		1.5

Lưu ý: Nhà trường không xét tuyển đối với các chứng chỉ tiếng Anh có hình thức thi "home edition"

Tổng điểm cộng (gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích) không vượt quá 3.0 điểm theo thang điểm 30.

Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét (thang 30), nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá 30 điểm.

2.3.3. Nguyên tắc xét tuyển theo PT3

- Điểm xét tuyển được xác định theo công thức:

Điểm xét tuyển = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

+ Tổng điểm đạt được = Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển + Điểm cộng (nếu có)

+ Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3. Điểm môn 1,2,3 bằng trung bình chung điểm học bạ THPT cả năm các lớp 10, lớp 11, lớp 12 các môn trong tổ hợp xét tuyển ngành/chuyên ngành do thí sinh đăng ký.



+ Điểm ưu tiên đối với thí sinh có tổng điểm đạt được từ 22,5 điểm trở lên được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Điểm ưu tiên KV,ĐT}$ theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh xét tuyển PT3 có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

- Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn (NV1 là NV cao nhất).

2.4. Phương thức 4 (PT4): Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT (học bạ) với điểm thi năng khiếu – Mã phương thức 406

2.4.1. Đối tượng, điều kiện xét tuyển theo PT4

- Xét tuyển PT4 vào các ngành/chuyên ngành có tổ hợp năng khiếu: Chuyên ngành Tổ chức hoạt động nghệ thuật; chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hóa (thuộc ngành Quản lý văn hóa) và ngành Sáng tác văn học.

- Thí sinh xét tuyển PT4 phải tham dự Kỳ thi năng khiếu năm 2026 do Trường Đại học Văn hóa Hà Nội tổ chức để lấy điểm thi năng khiếu xét tuyển kết hợp với điểm TBC học bạ THPT cả năm các lớp 10, lớp 11, lớp 12 môn Ngữ văn.

2.4.2. Điểm cộng (điểm thưởng, điểm khuyến khích)

Điểm cộng bao gồm:

+ Điểm thưởng dành cho các thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng (tối đa 3.0 điểm theo thang điểm 30);

+ Điểm xét thưởng dành cho các thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt (thí sinh đạt giải HSG tỉnh; HSG quốc gia; học sinh trường chuyên, môn chuyên phải có trong tổ hợp xét tuyển); thí sinh có nhiều thành tích thì mức điểm xét thưởng tối đa 1.5 điểm theo thang điểm 30.

+ Điểm khuyến khích dành cho các thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích tối đa 1.5 điểm theo thang điểm 30.

Ngoài điểm ưu tiên tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội cộng điểm đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi tỉnh, học sinh giỏi quốc gia và thí sinh có một trong các loại chứng chỉ Tiếng Anh, cụ thể như sau:



IELTS	Khung năng lực NN VN	TOEIC (4 kỹ năng)	TOEFL iBT	TOEFL ITP	HSG tỉnh	HSG quốc gia	HS trường chuyên	Điểm cộng
4.0-5.0	Bậc 3	Nghe: 275-395; Đọc: 275-380; Nói: 120-150; Viết: 120-140	45	450-499	Giải ba			0.5 ↑



5.5-6.0	Bậc 4	Nghe: 400-485; Đọc: 385-450; Nói: 160-170; Viết: 150-170	46-93	500-626	Giải nhì		Môn chuyên có trong tổ hợp xét tuyển	1.0
≥ 6.5	Bậc 5 trở lên	Nghe: ≥490; Đọc: ≥455; Nói: 180-200; Viết: 180-200	≥ 94	≥ 627	Giải nhất	Giải khuyến khích		1.5

Lưu ý: Nhà trường không xét tuyển đối với các chứng chỉ tiếng Anh có hình thức thi “home edition”

Tổng điểm cộng (gồm điểm thưởng, điểm khuyến khích) không vượt quá 3 điểm theo thang điểm 30.

Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét (thang 30), nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá 30 điểm.

2.4.3. Nguyên tắc xét tuyển theo PT4

- Điểm xét tuyển được xác định theo công thức:

$\text{Điểm xét tuyển} = \text{Điểm TBC học bạ THPT cả năm các lớp 10,11,12 môn Ngữ văn} + \text{Điểm môn Năng khiếu 1} + \text{Điểm môn Năng khiếu 2} + \text{Điểm cộng (nếu có)} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$

Trong đó: *Điểm ưu tiên* đối với thí sinh có tổng điểm 3 môn trong tổ hợp có môn thi năng khiếu (bao gồm cả điểm thưởng) từ 22,5 điểm trở lên được xác định theo công thức sau: $\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm 3 môn})/7,5] \times \text{Điểm ưu tiên KV,ĐT}$ theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh xét tuyển PT4 có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

- Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn (NV1 là NV cao nhất).

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy đổi ngưỡng đầu vào:

Trường sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

3.2. Quy đổi điểm trúng tuyển:

Trường sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

3.3. Quy đổi giữa các tổ hợp sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT:

Trường sẽ công bố theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

4. Số lượng tuyển sinh



TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
1	7810101A	Văn hóa du lịch	7810101	Du lịch	150	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
2	7810101B	Lữ hành, hướng dẫn du lịch	7810101	Du lịch	100	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
3	7810101C	Hướng dẫn du lịch quốc tế	7810101	Du lịch	100	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp D01, D14, D15, X78)
4	7810103A	Quản trị kinh doanh du lịch	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	160	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
5	7810103B	Quản trị du lịch cộng đồng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	70	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
6	7320101	Báo chí	7320101	Báo chí	130	PT1, PT2 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
7	7320305	Bảo tàng học	7320305	Bảo tàng học	60	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
8	7320402	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	Kinh doanh xuất bản phẩm	100	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
9	7320201A	Quản trị thư viện	7320201	Thông tin - Thư viện	50	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)

10	7320201B	Thư viện và thiết bị trường học	7320201	Thông tin - Thư viện	50	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
11	7320205	Quản lý thông tin	7320205	Quản lý thông tin	90	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
12	7380101	Luật	7380101	Luật	110	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
13	7220110	Sáng tác văn học	7220110	Sáng tác văn học	30	PT1, PT2 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78) PT4 (tổ hợp N06)
14	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	60	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp D01, D14, D15, X78)
15	7229040A	Nghiên cứu văn hóa	7229040	Văn hóa học	50	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
16	7229040B	Văn hóa truyền thống	7229040	Văn hóa học	110	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
17	7229040C	Văn hóa đối ngoại	7229040	Văn hóa học	50	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
18	7229042A	Phát triển công nghiệp văn hóa	7229042	Quản lý văn hóa	70	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)



19	7229042B	Quản lý di sản văn	7229042	Quản lý văn hóa	60	PT1, PT2, PT3 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78)
20	7229042C	Tổ chức hoạt động nghệ thuật	7229042	Quản lý văn hóa	70	PT1, PT2 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78) PT4 (tổ hợp N00)
21	7229042D	Tổ chức sự kiện văn hóa	7229042	Quản lý văn hóa	130	PT1, PT2 (tổ hợp C00, C03, C04, X01, X70, D01, D14, D15, X78) PT4 (tổ hợp N05)

Các tổ hợp xét tuyển năm 2026:

- Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh: D01
 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh: D14
 - Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh: D15
 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: X78
 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý: C00
 - Ngữ văn, Toán, Lịch sử: C03
 - Ngữ văn, Toán, Địa lý: C04
 - Ngữ văn, Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật: X01
 - Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật: X70
 - Ngữ văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2:
- + Đối với chuyên ngành Tổ chức hoạt động nghệ thuật (N00): Năng khiếu 1 (Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa, Mỹ thuật, Nhạc cụ); Năng khiếu 2 (Phòng vấn các vấn đề liên quan đến văn hóa - nghệ thuật).
- + Đối với chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hóa (N05): Năng khiếu 1 (Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa, Tiểu phẩm sân khấu, Nhạc cụ); Năng khiếu 2 (Xây dựng kịch bản sự kiện).
- + Đối với ngành Sáng tác văn học (N06): Năng khiếu 1 (Sáng tác tác phẩm); Năng khiếu 2 (Phòng vấn các vấn đề liên quan đến văn hóa - xã hội).

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn (NV1 là NV cao nhất).

5.2. Điểm cộng

Nhà trường áp dụng mức điểm cộng cho thí sinh xét tuyển theo PT2, PT3, PT4 cụ thể ở mục 2.2.2; 2.3.2 và 2.4.2.

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

Nhà trường không sử dụng tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo.

5.4. Các thông tin khác

- Trường Đại học Văn hóa Hà Nội xét tuyển theo mã chương trình, ngành, chuyên ngành, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn (NV1 là NV cao nhất).

- Điểm xét tuyển theo thang 30 và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Trường không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước để tuyển sinh.

- Tất cả thí sinh (bao gồm cả thí sinh được xét tuyển thẳng) **phải thực hiện đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trực tuyến, đưa tất cả nguyện vọng xét tuyển (NVXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT** (gọi tắt là Hệ thống) trực tiếp tại địa chỉ [⇒ ://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn/...vn](http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn/...vn) hoặc gián tiếp thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp thí sinh có nộp hồ sơ xét tuyển về Trường nhưng không thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT thì coi như từ chối xét tuyển.

6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2026 của Bộ GD&ĐT.

6.1. Thời gian, danh mục hồ sơ và phương thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo PT1:

- **Thời gian:** Thí sinh nộp hồ sơ về Trường từ **05/5 đến 20/6/2026**

- **Danh mục hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng:**

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng;

[PDF Mau phieu dk xet Tuyen Thang 2026](#) (485.5 KB)

(2) Bản photo công chứng Căn cước công dân;

(3) Bản photo công chứng chứng nhận đạt giải;

(4) Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT đối với những thí sinh tốt nghiệp năm 2025 trở về trước;

- **Phương thức nộp hồ sơ**

Thí sinh có thể lựa chọn một trong các phương thức sau:

+ Trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển tại Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

+ Gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, số 418 đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội.

6.2. Thời gian, danh mục hồ sơ và phương thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo PT2:

Chỉ đối với thí sinh được cộng điểm thưởng, điểm khuyến khích theo Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 của Trường, thí sinh cần nộp hồ sơ để được hưởng ưu tiên. Cụ thể:

- **Thời gian:** Thí sinh nộp hồ sơ về Trường từ **05/5 đến 20/6/2026**

- **Danh mục hồ sơ với thí sinh được cộng điểm thưởng, điểm khuyến khích:**

(1) Bản photo công chứng Căn cước công dân;

(2) Bản photo công chứng giấy chứng nhận đạt học sinh giỏi, chứng chỉ tiếng Anh, HS trường chuyên;

- **Phương thức nộp hồ sơ**

Thí sinh có thể lựa chọn một trong các phương thức nộp sau:

+ Trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển tại Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

+ Gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, số 418 đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội.

6.3. Thời gian, danh mục hồ sơ và phương thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo PT3:



- **Thời gian:** Thí sinh nộp hồ sơ về Trường từ ngày **05/5 đến 20/6/2026**.

- **Danh mục hồ sơ đăng ký xét tuyển**

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường);

PDF [Mau phieu dkxt Hoc ba 2026](#) (570.3 KB)

(2) Bản photo công chứng Căn cước công dân;

(3) Bản photo công chứng Học bạ THPT;

(4) Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước);

(5) Bản photo công chứng giấy chứng nhận đạt học sinh giỏi, chứng chỉ tiếng Anh, HS trường chuyên (nếu có);

(6) Đối với thí sinh hưởng đối tượng ưu tiên theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT bắt buộc phải có minh chứng (photo công chứng);

- **Phương thức nộp hồ sơ**

Thí sinh có thể lựa chọn một trong các phương thức nộp sau:

+ Trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển tại Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

+ Gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, số 418 đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội.

- **Lưu ý:**

+ Nhà trường sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) của thí sinh đã được cập nhật trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT để xét tuyển.

+ Kết quả học tập THPT (học bạ) của thí sinh tốt nghiệp năm 2026 được cập nhật trên Hệ thống chung của Bộ GD&ĐT, thí sinh đăng nhập Hệ thống để kiểm tra kết quả học tập THPT.

6.4. Thời gian, danh mục hồ sơ và phương thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo PT4:

Thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển các tổ hợp có môn thi năng khiếu (chỉ với thí sinh đăng ký chuyên ngành **Tổ chức hoạt động nghệ thuật**; chuyên ngành **Tổ chức sự kiện văn hóa** (thuộc ngành Quản lý văn hóa) và ngành **Sáng tác văn học**)

- **Thời gian:** Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT vào trường từ **15/4 đến 22/5/2026**

- **Danh mục hồ sơ đăng ký xét tuyển**

(1) Phiếu đăng ký thi năng khiếu (theo mẫu của Trường);

PDF [Mau phieu dk thi Nang khieu 2026](#) (575.9 KB)

(2) Bản photocopy Căn cước công dân;

(3) Bản photo công chứng học bạ THPT;

(4) Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (đối với những thí sinh tốt nghiệp năm 2025 trở về trước);

(5) Bản photo công chứng giấy chứng nhận đạt học sinh giỏi, chứng chỉ tiếng Anh, HS trường chuyên (nếu có);

(6) Đối với thí sinh hưởng đối tượng ưu tiên theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT bắt buộc phải có minh chứng (photo công chứng);

(7) Biên lai nộp lệ phí thi năng khiếu

- **Phương thức nộp hồ sơ**

Thí sinh có thể lựa chọn một trong các phương thức nộp sau:

+ Trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển tại Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

+ Gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, số 418 đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội (**trước ngày 22/05/2026**).

- **Thời gian thi năng khiếu:** tập trung thí sinh ngày 17/6/2026; thi ngày 18/6/2026.

6.5. Lưu ý với tất cả các phương thức:

Thí sinh ngoài việc nộp hồ sơ xét tuyển về Trường, thí sinh phải thực hiện đăng ký trực tuyến trên hệ thống của Bộ GD&ĐT:

+ **Từ ngày 2/7 đến 17h00 ngày 14/7:** Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (trực tuyến) trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT;

+ **Từ 15/7 đến 17h00 ngày 21/7:** Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Chính sách ưu tiên chung

Nhà trường áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và quy định riêng theo từng phương thức tuyển sinh của Trường cụ thể ở mục 2.

7.2. Xét tuyển thẳng

Nhà trường xét tuyển thẳng cho các đối tượng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Đối với thí sinh diện được xét tuyển thẳng nếu không sử dụng quyền được tuyển thẳng thì khi và chỉ khi thí sinh xét tuyển theo phương thức xét tuyển điểm thi THPT năm 2026 được cộng điểm ưu tiên xét tuyển vào tổng điểm xét tuyển theo giải thí sinh đạt được (môn đạt giải phải có trong tổ hợp xét tuyển). Đối với ngành Ngôn ngữ Anh và chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế (thuộc ngành Du lịch), môn đạt giải phải là môn Tiếng Anh, cụ thể:

Giải nhất: được cộng 3.0 điểm

Giải nhì: được cộng 2.0 điểm

Giải ba: được cộng 1.5 điểm

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh (xét tuyển, thi tuyển)

8.1. Phương thức xét tuyển thẳng, xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và phương thức xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo Quy định chung của Bộ GD&ĐT.

8.2. Phương thức xét kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu

Lệ phí: 450.000đ/ ngành (hoặc chuyên ngành)

Thí sinh chuyển lệ phí qua số tài khoản Tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Số tài khoản: 2120556765

Ngân hàng: Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Tây Hồ

Nội dung: Lệ phí xét tuyển + Số CCCD

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Nhà trường cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

10. Các nội dung khác

10.1. Thông tin về học phí

Nhà trường áp dụng học phí và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Năm học 2025-2026, học phí đối với sinh viên hệ Đại học Chính quy là 497.000đ/01 tín chỉ.

10.2. Học bổng miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học



- Học bổng khuyến khích học tập: Nhà trường thực hiện chính sách học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên theo Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Mức chi suất học bổng tối thiểu/ học kỳ bằng mức thu học phí trung bình 15 tín chỉ/ học kỳ; một năm thực hiện 2 học kỳ xét, cấp học bổng khuyến khích học tập.

- Miễn giảm học phí: Nhà trường thực hiện miễn giảm học phí cho sinh viên Căn cứ theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; 2 học kỳ/ năm.

- Hỗ trợ chi phí học tập: Nhà trường thực hiện hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên theo Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học, 2 học kỳ/ năm.

- Trợ cấp xã hội: Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung khoản 4, mục 1, phần 2 Thông tư liên tịch số 53/1998/ TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/08/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, Nhà trường thực hiện chính sách trợ cấp xã hội cho sinh viên 2 học kỳ/ năm.

- Khu nội trú của Trường với sức chứa hơn 1000 sinh viên đã đáp ứng 100% chỗ ở cho tất cả sinh viên thuộc diện chế độ chính sách và sinh viên nước ngoài có nhu cầu ở nội trú tại trường.

10.3. Các chương trình trao đổi sinh viên nước ngoài

Trường tiếp tục triển khai các chương trình trao đổi sinh viên với các trường đối tác tại Hàn Quốc: Chương trình trao đổi chương trình trao đổi ngắn hạn (6 tháng), chương trình học 3 năm và nhận bằng Cử nhân tại Đại học Jeonju hoặc Đại học Chosun, Hàn Quốc. Với đối tác Italia: Chương trình thực tập có hưởng lương tại Italia. Với đối tác Đài Loan: Chương trình học bổng Thạc sĩ có hưởng lương; Chương trình trao đổi sinh viên với các Trường Đại học Văn hóa Trung Hoa, Đại học Minh Truyền, Đại học Kiện Hành. Thông qua các chương trình hợp tác này, sinh viên Trường Đại học Văn hóa Hà Nội có cơ hội trải nghiệm môi trường học tập quốc tế, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn, tiếp cận nền tri thức tiên tiến, đồng thời tìm hiểu văn hóa, đời sống và giao lưu với người bản ngữ, sinh viên quốc tế. Đây là nền tảng quan trọng giúp sinh viên nâng cao năng lực chuyên môn và gia tăng cơ hội tìm kiếm việc làm có thu nhập cao sau khi tốt nghiệp.

10.4. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Đợt 1: Từ tháng 4/2026 đến hết tháng 8/2026;

Đợt 2: Sẽ thông báo sau nếu đợt 1 chưa tuyển đủ chỉ tiêu.

10.5. Liên hệ và hỗ trợ tuyển sinh

(1) Website Trường: www.huc.edu.vn

(2) Trang Tuyển sinh của Trường: [://huc.edu.vn/.../Tuyen-sinh-Dai-hoc](http://www.huc.edu.vn/.../Tuyen-sinh-Dai-hoc)

(3) Facebook Trường Đại học Văn hóa Hà Nội: www.facebook.com/huc1959

(4) Facebook Phòng Quản lý Đào tạo: www.facebook.com/daotaohuc

(5) Địa chỉ: Số 418 đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

(6) Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc, tư vấn tuyển sinh:

- Điện thoại: 02438511971, Máy lẻ 103,104,153, 433

- Hotline: 1900 633020

- Di động: 0902171666 (cô Nguyễn Thị Hoài Vân, P. Quản lý Đào tạo).

- Email: tuvantuyensinh@huc.edu.vn hoặc tuyensinh@huc.edu.vn

- Tư vấn trực tuyến qua zalo: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Hoặc quét mã QR



11. Thông tin về tuyển sinh của 02 năm gần nhất



TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025					Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển			Số lượng	Số nhập học	Điểm tuyển
								Tổ hợp gốc (C00, X70)	C03, C04, D14, D15, X01, X78	D01			
1	7810101A	Văn hóa du lịch	7810101	Du lịch	100	170	172	26.83	25.33	24.83	170	174	27.15
					200					27.46			
					500					26.79			
2	7810101B	Lữ hành, hướng dẫn du lịch	7810101	Du lịch	100	120	119	27.20	25.70	25.20	120	116	27.67
					200					27.71			
					500					27.80			
3	7810101C	Hướng dẫn du lịch quốc tế	7810101	Du lịch	100	110	116		23.30	22.80	110	110	
					200								
					500								
4	7810103A	Quản trị kinh doanh du lịch	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	190	208	27.05	25.55	25.05	180	191	27.94
					200					27.87			
					500					28.17			
5	7810103B	Quản trị du lịch cộng đồng	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	80	95	26.62	25.12	24.62	80	91	27.43
					200					27.29			
					500					26.73			
6	7320101	Báo chí	7320101	Báo chí	100	130	148	27.27	25.77	25.27	120	147	28.9
					200					28.54			
					500					29.51			



7	7320305	Bảo tàng học	7320305	Bảo tàng học	100	50	75	25.20	23.70	23.20	50	70	26.5
					200					27.43			
					500					27.18			
8	7320402	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	Kinh doanh xuất bản phẩm	100	90	114	25.76	24.26	23.76	90	90	25.8
					200					26.98			
					500					25.87			
9	7320201A	Quản trị thư viện	7320201	Thông tin - Thư viện	100	50	48	25.50	24.00	23.50	50	40	25.5
					200					27.09			
					500					26.94			
10	7320201B	Thư viện và thiết bị trường học	7320201	Thông tin - Thư viện	100	50	47	25.34	23.84	23.34	50	41	23.85
					200					26.04			
					500					26.94			
11	7320205	Quản lý thông tin	7320205	Quản lý thông tin	100	90	125	26.27	24.77	24.27	90	124	27.1
					200					27.58			
					500					26.05			
12	7380101	Luật	7380101	Luật	100	110	102	26.81	25.31	24.81	80	74	28.8
					200					28.36			
					500					28.82			
13	7220110	Sáng tác văn học	7220110	Sáng tác văn học	406	15	8	18.68			15	7	
14	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	100	113		25.41	24.91	100	117	
					200								
					500								
15	7229040A	Nghiên cứu văn hóa	7229040	Văn hóa học	100	50	48	26.73	25.23	24.73	50	50	26.52
					200					27.33			
					500					27.39			
16	7229040B	Văn hóa truyền thông	7229040	Văn hóa học	100	110	135	27.36	25.86	25.36	110	119	27.83
					200					28.19			
					500								

17	7229040C	Văn hóa đối ngoại	7229040	Văn hóa học	100	50	61	27.00	25.50	25.00	50	52	27.43
					200					27.91			
					500					27.76			
18	7229042B	Quản lý di sản văn hóa	7229042	Quản lý văn hóa	100	60	68	25.94	24.44	23.94	60	57	27.83
					200					27.87			
					500					28.35			
19	7229042D	Tổ chức sự kiện văn hóa	7229042	Quản lý văn hóa	100	90	98	27.55	26.05	25.55	70	70	28
					406								
					500					29.15			
20	7229042A	Phát triển công nghiệp văn hóa		Quản lý văn hóa	100	135	132	24.83	23.33	22.83			
21	7229042C	Tổ chức hoạt động nghệ thuật		Quản lý văn hóa	100	50	57	27.21	25.71	25.21			

Ghi chú:

- Phương thức 100: Xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT
- Phương thức 200: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
- Phương thức 500: Xét kết hợp kết quả học tập cấp THPT với quy định của Trường
- Phương thức 406: Xét kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu
- Năm 2024, ngành Ngôn ngữ Anh và chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế (thuộc ngành Du lịch) xét điểm theo thang điểm 40.
- Năm 2025, Nhà trường không xét tuyển phương thức 500.
- Năm 2025, điểm trúng tuyển ngành Sáng tác văn học theo phương thức gốc 406 (xét kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu). Các ngành/chuyên ngành còn lại, điểm trúng tuyển theo phương thức gốc 100 (xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025). Với các phương thức khác, điểm trúng tuyển quy đổi theo Thông báo số

432/TB-ĐHVHHN ngày 23/7/2025 về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và quy đổi tương đương mức điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển đại học chính quy năm 2025.



Cán bộ tuyển sinh:
Nguyễn Thị Hoài Vân
ĐT: 0902171666
Email: vannth@huc.edu.vn

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Công Tuấn

Trường Đại học Văn hóa Hà Nội - Hanoi University of Culture

Địa chỉ: 418 Đường La Thành - Phường Ô Chợ Dừa - Hà Nội - Việt Nam

Tel: (+84) 2438.511.971

Fax: (+84) 2435.141.629

Email: daihocvanhoahanoi@huc.edu.vn



Về chúng tôi

Giới thiệu

Cơ cấu tổ chức

Các Phòng

Ba công khai

Thư viện

Đào tạo

Bậc Đại học

Bậc Sau đại học

Các lớp ngắn hạn

Thông tin sinh viên tốt nghiệp

